BỘ CÔNG THƯƠNG

TÁI CƠ CẤU NGÀNH CÔNG THƯƠNG VÀ KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2018-2020, XÉT ĐẾN NĂM 2025

VỤ KẾ HOẠCH, BỘ CÔNG THƯƠNG

NGÀY 4 THÁNG 9 NĂM 2018

NỘI DUNG BÀI TRÌNH BÀY

1. Tái cơ cấu ngành Công Thương: Một số kết quả đạt được.
2. Những điểm nghẽn trong phát triển Công nghiệp và Thương mại
3. Kế hoạch cơ cấu lại ngành Công nghiệp giai đoạn 2018-2020, xét đến năm 2025
4. Kế hoạch cơ cấu trong lĩnh vực thương mại.

CHUYỂN BIẾN VỀ TÁI CƠ CẤU NGÀNH CÔNG THƯƠNG: 3 GIAI ĐOẠN

Nguồn: Vụ KH, MOIT

KHUNG KHỔ CHÍNH SÁCH VÀ THỂ CHẾ THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU NGÀNH CÔNG THƯƠNG,

GIAI ĐOẠN I: TÁI CƠ CẤU NỀN KINH TẾ

2013: Quyết định số 339/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt **Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn** với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 – 2020;

2014: Quyết định số 2146/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thông qua **Đề án "Tái cơ cấu ngành Công Thương** phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"; **Quyết định số 11476/QĐ-BCT** của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Kế hoạch hành động của ngành Công Thương thực hiện Đề án; Các Cục/Vụ, các Địa phương đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch hành động;

GIAI ĐOẠN II: CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ

2016: Nghị quyết 27/NQ-TW thực hiện **Nghị quyết số 05-NQ/TW** của Hội nghị lần thứ tư **Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII** về một số **chủ trương, chính sách lớn** nhằm tiếp tục **đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế** và **Nghị quyết số 24/2016/QH14** của Quốc hội về **Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế** giai đoạn 2016 – 2020;

2017: Quyết định số 887/QĐ-BCT của Bộ trưởng Công Thương ban hành Chương trình hành động của ngành Công Thương triển khai thực hiện **Nghị quyết 27/NQ-TW.**

Thành lập BCĐ Quốc gia về cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất chất lượng của nền Kinh tế, đã tổ chức cuộc họp BCĐ lần thứ nhất vào T7/2018.

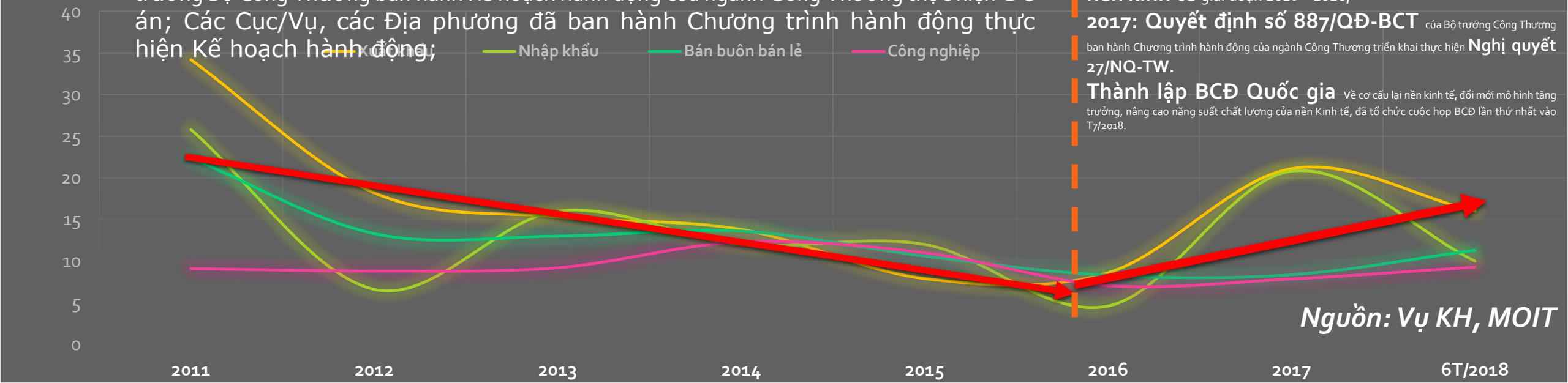

Nguồn: Vụ KH, MOIT

CHUYỂN BIẾN VỀ TÁI CƠ CẤU NGÀNH CÔNG THƯƠNG: 3 GIAI ĐOẠN

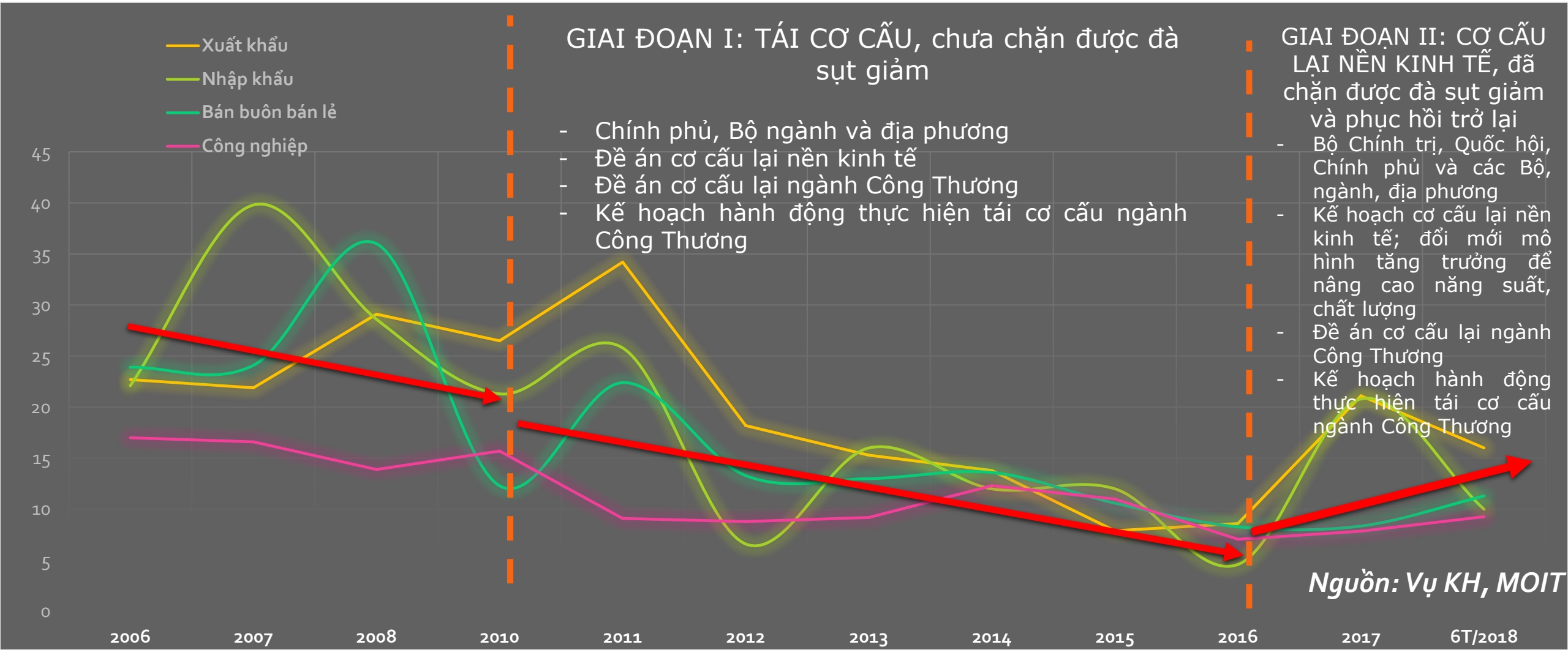

TÁI CƠ CẤU NGÀNH CÔNG THƯƠNG
MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

- Tăng trưởng ***công nghiệp đã phục hồi trở lại và tăng liên tục (dù không cao hơn trung bình các giai đoạn trước). Tuy nhiên, công nghiệp*** CBCT đã tăng trưởng cao hơn trung bình của giai đoạn 2011-2015 (năm 2016 là 11,9; 2017 là 14,4% và 6T/2018 là 13.02% so với mức tăng 10,6% trung bình của giai đoạn 2011-2015) và chuyển dịch ngày càng rõ nét với sự giảm dần của ngành CN khai khoáng.
- **Tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến chế tạo trong GDP tăng**: năm 2016 là 13,69%, năm 2016: 14,27%, năm 2017: 15,33, 6T/2018 ước 16,21%
- **Hệ số tiêu hao ngành năng lượng giảm** (hệ số tiêu hao truyền tải và phân phối điện năm 2015: 7,9%, năm 2016: 7,7% đạt và vượt mục tiêu (năm 2015 khoảng 8%; Năm 2020 dưới 8%). Nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo được chú trọng phát triển.
- **Hình thành được một số cụm liên kết ngành**: Cụm dệt may ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh (Cụm vệ tinh trong chuỗi giá trị toàn cầu), Khu phức hợp cơ khí ô tô Chu Lai – Trường Hải tại Khu kinh tế mở Chu Lai, hay các tổ hợp sản xuất của các doanh nghiệp FDI lớn như Samsung, LG, các doanh nghiệp Nhật Bản lớn (tại KCN Bắc Thăng Long

Nguồn: Vụ KH, MOIT

TÁI CƠ CẤU NGÀNH CÔNG THƯƠNG MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

- Cán cân thương mại đã ***"chuyển dịch từ thâm hụt sang thặng dư"***, Việt Nam lần đầu tiên cán mức xuất khẩu trên 200 tỷ Đô la Mỹ vào năm 2017, đạt thành tích ***"về đích sớm"*** trong kiểm soát nhập khẩu, gia tăng xuất khẩu và duy trì được thặng dư cán cân thương mại cả trong 2 năm 2016, 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Cơ cấu hàng xuất khẩu giảm dần sản phẩm thâm dụng tài nguyên sang các sản phẩm có hàm lượng GTGT cao. Nhập siêu từ Trung Quốc giảm dần.
- **Thương mại nội địa tăng trưởng ổn định trở lại**: tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán buôn bán lẻ tăng trở lại từ 2016 trở lại đây (2016 là 8.28%; 2017 là 8.36% và 6T/2018 là 11.3%). Các kênh phân phối ngày càng hiện đại, văn minh, Đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực phân phối gia tăng.

TÁI CƠ CẤU CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI: MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

- **Đã hoàn thành 06/12 chỉ tiêu cho giai đoạn 2016-2020**: (1) nâng cao tỷ trọng công nghiệp trong GDP; (2) Tăng tốc độ xuất khẩu hàng hóa và kiểm soát nhập siêu; (3) Tăng tỷ trọng lao động trong công nghiệp; (4) Tốc độ tăng trưởng đầu tư vào công nghiệp cao hơn mức bình quân toàn xã hội; (5) Tăng trưởng của nhóm công nghiệp CBCT trung bình từ 8-10% và thu hẹp khoảng cách về chỉ số năng lực cạnh tranh công nghiệp với các nước ASEAN-4. (6) Hệ số tiêu hao năng lượng (tổn thất điện năng).

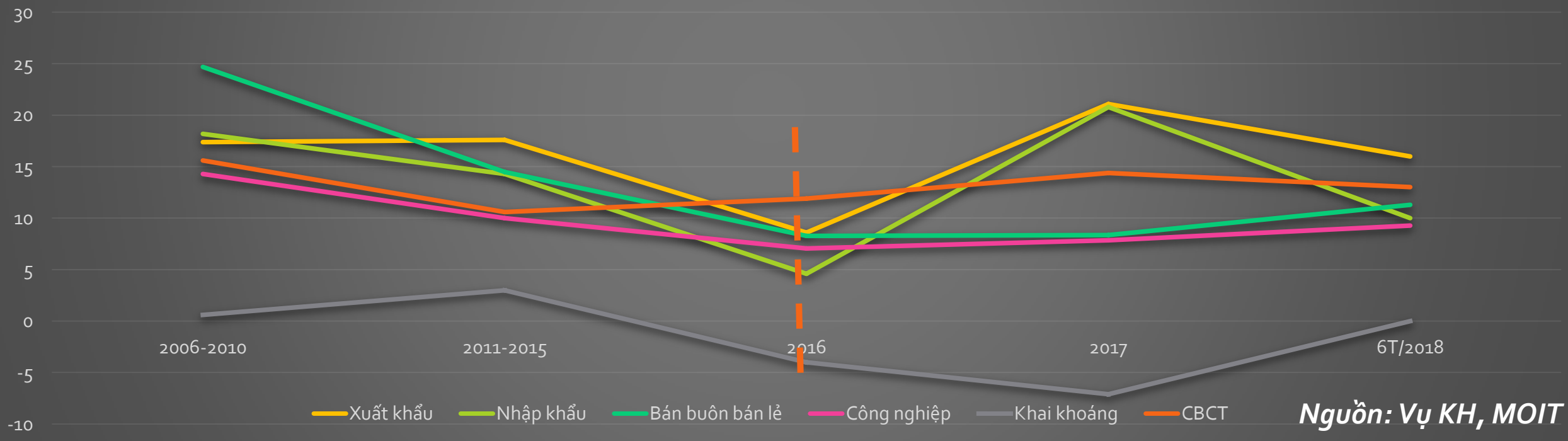

Nguồn: Vụ KH, MOIT

TÁI CƠ CẤU NGÀNH CÔNG THƯƠNG: MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Tt	Chỉ số mục tiêu	Kết quả thực hiện	Mức độ hoàn thành
1	Tỉ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP đạt từ 30-35%, tốc độ tăng trưởng công nghiệp cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP	Tỷ trọng năm 2016 đạt 32,72%, 2017 đạt 33,34%; 6T/2018 đạt 33,78%; Tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp năm 2016 đạt 7,57% (nền kinh tế đạt 6,21%), năm 2017 đạt 8% (nền kinh tế đạt 6,81%); 6 tháng đầu năm đạt 9,28% (nền kinh tế đạt 7,08%)	Hoàn thành
2	Tỉ trọng hàng chế biến, chế tạo trong tổng kim ngạch xuất khẩu đạt từ 85-90%	Đạt 81,3% năm 2017 và 82,3% trong 6 tháng đầu năm 2018.	Khả năng hoàn thành
3	Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân hàng hóa giai đoạn 2016 – 2020 khoảng 15%; kiểm soát nhập siêu xuống 5% và tiến tới cân bằng cán cân thương mại vào năm 2020.	Năm 2016 là 8.6% , 2017 là 21,1% và 6T/2018 là 16%; Xuất siêu 2016 là 2,68 tỷ đồng; 2017 là 2,7 tỷ USD; 6T/2018 là 2,7 tỷ USD.	Hoàn thành
4	Hệ số tiêu hao năng lượng (tổn thất điện năng) năm 2015 khoảng 8%, năm 2020 dưới 8%	Năm 2015: 7,9%, năm 2016: 7,7%	Hoàn thành
5	Lao động trong công nghiệp và xây dựng chiếm 25-30%	2016 là 24,7%, năm 2017 đạt 25,7% và 6T/2018 là 26,7%.	Hoàn thành
6	Tốc độ tăng trưởng đầu tư trong công nghiệp cao hơn bình quân toàn xã hội	Giai đoạn 2011-2016 là 9,7%/năm (toàn xã hội là 8,3%/năm). Năm 2017, tính riêng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là 16,5%/năm (toàn xã hội là 12,1%).	Hoàn thành
7	Tốc độ tăng trưởng số lượng doanh nghiệp trong	Giai đoạn 2010-2016 tăng 8,6%/năm, cả nước là 10,4%/năm.	Khó hoàn

TÁI CƠ CẤU NGÀNH CÔNG THƯƠNG: MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Tt	Chỉ số mục tiêu	Kết quả thực hiện	Mức độ hoàn thành
8	**Tốc độ tăng năng suất lao động trong ngành công nghiệp bình quân hàng năm cao hơn 5,5%.**	**2011 - 2016 đạt 2,4%/năm, 2016 giảm 2,2%; 2017 tăng 3,1% so với năm 2016.**	**Khó hoàn thành**
9	Tỉ trọng đóng góp của nhóm ngành công nghiệp công nghệ cao trong công nghiệp chế biến chế tạo và khu vực tư nhân năm sau cao hơn năm trước về số lượng doanh nghiệp, số lao động và doanh thu.	(1) Tỷ trọng số lượng doanh nghiệp công nghệ cao tăng từ 11,4% lên 12,68%; doanh nghiệp tư nhân tăng từ 96,5% lên 97,7%; (2) Tỷ trọng lao động trong doanh nghiệp công nghệ cao tăng từ 13,81% lên 18,12%; trong doanh nghiệp tư nhân tăng từ 95,1% lên 97,2%; (3) Tỷ trọng doanh thu của doanh nghiệp công nghệ cao tăng từ 27,05% lên 40,11%; trong doanh nghiệp tư nhân tăng từ 86,3% lên 92,4%.	Khả năng hoàn thành
10	Tăng trưởng giá trị gia tăng của công nghiệp chế biến chế tạo (MVA) bình quân đạt từ 8-10%	Năm 2016 tăng 11,9%; năm 2017 tăng 14,4%.	Hoàn thành
11	Hình thành thí điểm một số cụm liên kết ngành công nghiệp trong các ngành công nghiệp ưu tiên	Cụm dệt may ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh (Cụm vệ tinh trong chuỗi giá trị toàn cầu), Khu phức hợp cơ khí ô tô Chu Lai - Trường Hải tại Khu kinh tế mở Chu Lai, hay các tổ hợp sản xuất của doanh nghiệp FDI lớn như Samsung, LG, các doanh nghiệp Nhật Bản lớn (tại KCN Bắc Thăng Long)	Khả năng hoàn thành
12	Thu hẹp khoảng cách các chỉ số về năng lực cạnh tranh công nghiệp so với các nước ASEAN-4	Chỉ số CIP tăng từ vị trí 48 vào năm 2016 lên 41 vào năm 2017, trong khi các nước thuộc nhóm ASEAN-4 tăng không đáng kể (Thái Lan và Malaysia tăng 1 bậc, Indonesia không tăng).	Khả năng hoàn thành

CÁC CẢI CÁCH VỀ CHÍNH SÁCH VÀ THỂ CHẾ ĐỂ PHỤC VỤ TÁI CƠ CẤU NGÀNH CÔNG THƯƠNG

- Cải cách thể chế và cải các hành chính
- Cải thiện môi trường kinh doanh
- Tái cấu trúc lại các DNNN
- Tăng cường hội nhập, tích cực đàm phán và ký kết các FTA để mở rộng thị trường, thu hút đầu tư
- Cơ cấu lại định hướng ưu tiên phát triển các ngành và cải cách chính sách phát triển ngành

CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH (1)

- Cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh: Hoàn thành lộ trình cắt giảm 675/1216 điều kiện đầu tư kinh doanh trong 27 ngành không còn phù hợp (chiếm 55,5% tổng số điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương;
- Rà soát, gỡ bỏ các qui định, điều kiện trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, kinh doanh thương mại, gia nhập thị trường và chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, cắt giảm và đơn giản hóa các quy trình về cấp phép xuất nhập khẩu: Xóa bỏ khoảng 420 mã trong tổng số 720 mã HS phải kiểm tra trước thông quan thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Cô Thương (đạt tỷ lệ 58,3%). Hiện nay, trong phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, chỉ còn 02 loại sản phẩm phải kiểm tra trước thông quan là tiền chất thuốc nổ và thực phẩm (là các sản phẩm bắt buộc phải kiểm tra trước thông quan theo quy định của Luật An toàn thực phẩm).

CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH (2)

- Xã hội hóa công tác kiểm tra chuyên ngành một cách triệt để: đã cho phéo các tổ chức trong và ngoài nước thực hiện kiểm tra nhà nước đối với một số lĩnh vực như an toàn thực phẩm nhập khẩu, vật liệu nổ công nghiệp, dán nhãn năng lượng... trên cơ sở các yêu cầu đáp ứng của Luật pháp Việt Nam;
- Triển khai Cơ chế Một cửa quốc gia (NSW) và Cơ chế Một cửa ASEAN (ASW): Bộ Công Thương là 1 trong 2 Bộ đầu tiên kết nối đến Cơ chế một cửa quốc gia với 06 dịch vụ công trực tuyến (VNSW), trong đó có 4 dịch vụ công đã thực hiện ở mức dịch vụ công mức độ 4 (doanh nghiệp hoàn toàn không cần đến cơ quan hành chính để làm thủ tục); đồng thời đã kết nối kỹ thuật thành công với Cơ chế một cửa ASEAN 4 về trao đổi C/O mẫu D điện tử do Bộ Công Thương cấp phép ((1) Cấp giấy chứng nhận xuất xứ mẫu D; (2) Cấp phép nhập khẩu tự động xe mô tô phân khối lớn; (3) Cấp phép nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-zôn; (4) Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp; (5) Cấp giấy chứng nhận xuất nhập khẩu kim cương thô theo quy trình Kimberley; (6) Khai báo hóa chất nhập khẩu)

HOÀN THIỆN THỂ CHẾ VÀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

- Tái cấu trúc bộ máy: thu gọn đầu mối từ 35 đơn vị xuống còn 30 đơn vị trực thuộc Bộ.
- Hoàn thiện khung khổ pháp luật: 02 Luật (Luật Quản lý ngoại Thương và Luật Canh tranh sửa đỏi; 25 Nghị định và 60 Thông tư đã chính thức được ban hành góp phần hoàn thiện thể chế môi trường kinh doanh, đảm bảo khung pháp lý ổn định, minh bạch cho hoạt động của các loại hình doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập ngày càng được mở rộng.
- Cải các thủ tục hành chính: Trong 296 TTHC cấp Trung ương thuộc phạm vi quản lý của Bộ đã được triển khai DVCTT mức đô ̣2 trở lên có 35 DVCTT mức độ 4, 118 DVCTT mức độ 3 và đã được tích hợp trên Cổng DVCTT của Bộ; đã thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia đối với 06 TTHC ở mức độ 4, qua đó đã đưa *Bộ Công Thương xếp vị trí số 1/19 Bộ, cơ quan ngang Bộ về chỉ số hiện đại hóa hành chính vào năm 2017.*

MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG THÔNG QUA HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KINH TẾ

- Đã ký 12 FTA: 09 FTA đa phương(07 FTA trong khuôn khổ ASEAN (FTA với ASEAN, FTA giữa ASEAN với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc - Niu Di-lân, Ấn Độ và Hồng Kông; FTA với Liên minh Kinh tế Á-Âu; CPTPP); 03 FTA song phương (Chi-lê, Nhật Bản, Hàn Quốc) và. FTA mới nhất được ký là FTA giữa ASEAN và Hongkong).
- Đã hoàn thành đàm phán và rà soát pháp lý 01 FTA với Liên minh châu Âu
- Đang đàm phán 03 FTA: Hiệp định RCEP, FTA với khối EFTA và FTA với Israel

TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

- Tái cơ cấu: Bộ đã trình Thủ tướng Chính phủ thông qua Đề án tổng thể tái cơ cấu, cổ phần hóa, thoái vốn các doanh nghiệp thuộc Bộ cho giai đoạn 2017 – 2020; 03 Đề án về tái cơ cấu các Tập đoàn công nghiệp lớn 100% vốn nhà nước giai đoạn 2017 - 2020, gồm: Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Than - khoáng sản Việt Nam và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; hiện đang trình Thủ tướng Chính phủ đối với Đề án tái cơ cấu toàn diện Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2018-2025.
- Thoái vốn: Tiến hành thoái vốn thành công đối với một số doanh nghiệp có qui mô lớn (Habeco, Sabeco, Veam) và đã hoàn thành **thoái vốn nhà nước của Sabeco vào cuối năm 2017, thu về 110 nghìn tỷ đồng cho nhà nước.**

TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

- Cổ phần hóa: Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa đối với 3 đơn vị thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam gồm: Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL), Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPOWER), Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) và Tổng công ty Phát điện 3 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, đến nay tổ chức thực hiện thành công việc **Cổ phần hóa và bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) thu về cho nhà nước khoảng 16.700 tỷ đồng.**
- Đặc biệt, trong thời gian qua, Bộ Công Thương với vai trò là Thường trực Ban Chỉ đạo Chính phủ đối với **xử lý 12 dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương** đã tích cực, quyết liệt trong tập trung chỉ đạo xử lý dứt điểm các tồn tại, vướng mắc.

CÁC ĐIỂM NGHẼN TRONG TÁI CƠ CẤU NGÀNH CÔNG THƯƠNG VÀ KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN ĐẾN 2025

TÁI CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHƯA ĐI VÀO THỰC CHẤT

- Giá trị gia tăng ngành công nghiệp chế biến chế tạo/ GDP thấp .
- Các ngành phần lớn chỉ tham gia được ở khâu GTGT thấp của chuỗi giá trị toàn cầu
- Công nghiệp hỗ trợ chậm phát triển. Tỷ lệ nội địa hóa còn thấp.
- Năng suất lao động chậm được cải thiện
- SX gia tăng cao ở nhóm các DN có vốn nước ngoài. Chưa có DN Công nghiệp nội địa có năng lực cạnh tranh, có thương hiệu quốc tế.
- Một số khu vực tăng trưởng đã chạm trần và khó có khả năng tăng thêm: Những động lực tăng trưởng dựa vào yếu tố như khai thác dầu khí, than, đóng góp của Samsung, Formosa, kiều hối… đã được tận dụng và khó có khả năng có mức tăng bứt phá; ngành khai khoáng có thể tiếp tục giảm do sản lượng khai thác giảm.
- Phân bố không gian công nghiệp chưa khai thác tốt vị trí, tiềm năng của các địa phương

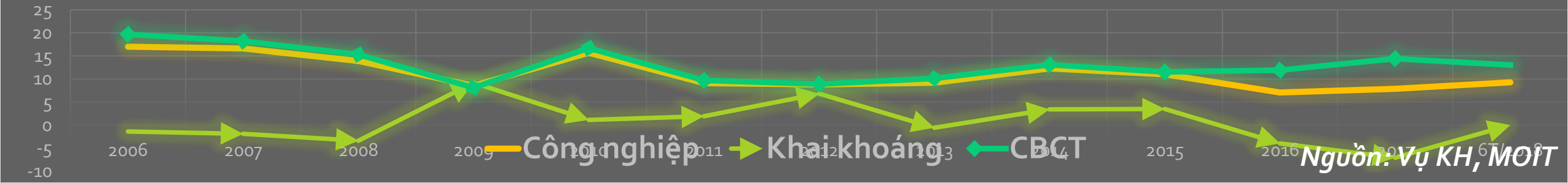

Nguồn: Vụ KH, MOIT

GIÁ TRỊ GIA TĂNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ TẠO/GDP THẤP HƠN HẦU HẾT CÁC QUỐC GIA TRONG KHU VỰC

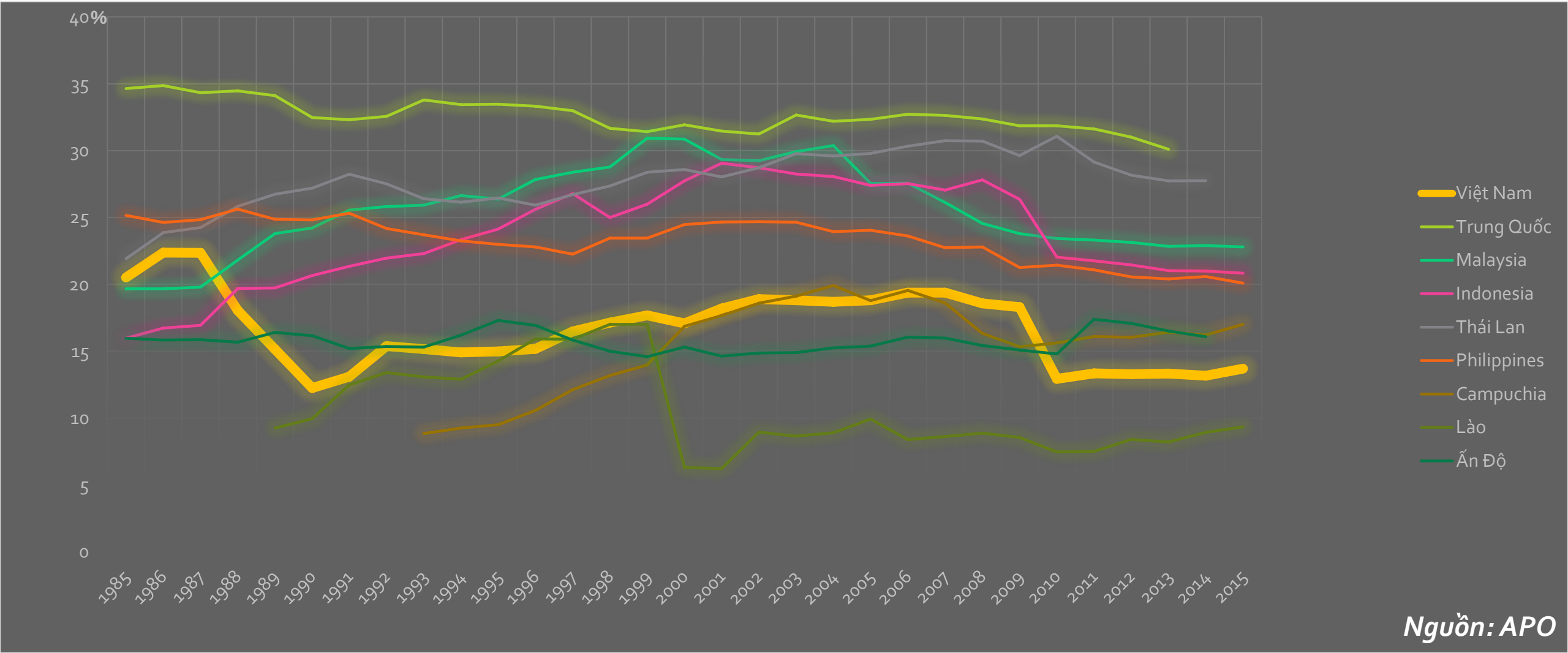

Nguồn: APO

PHÂN BỔ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ TẠO

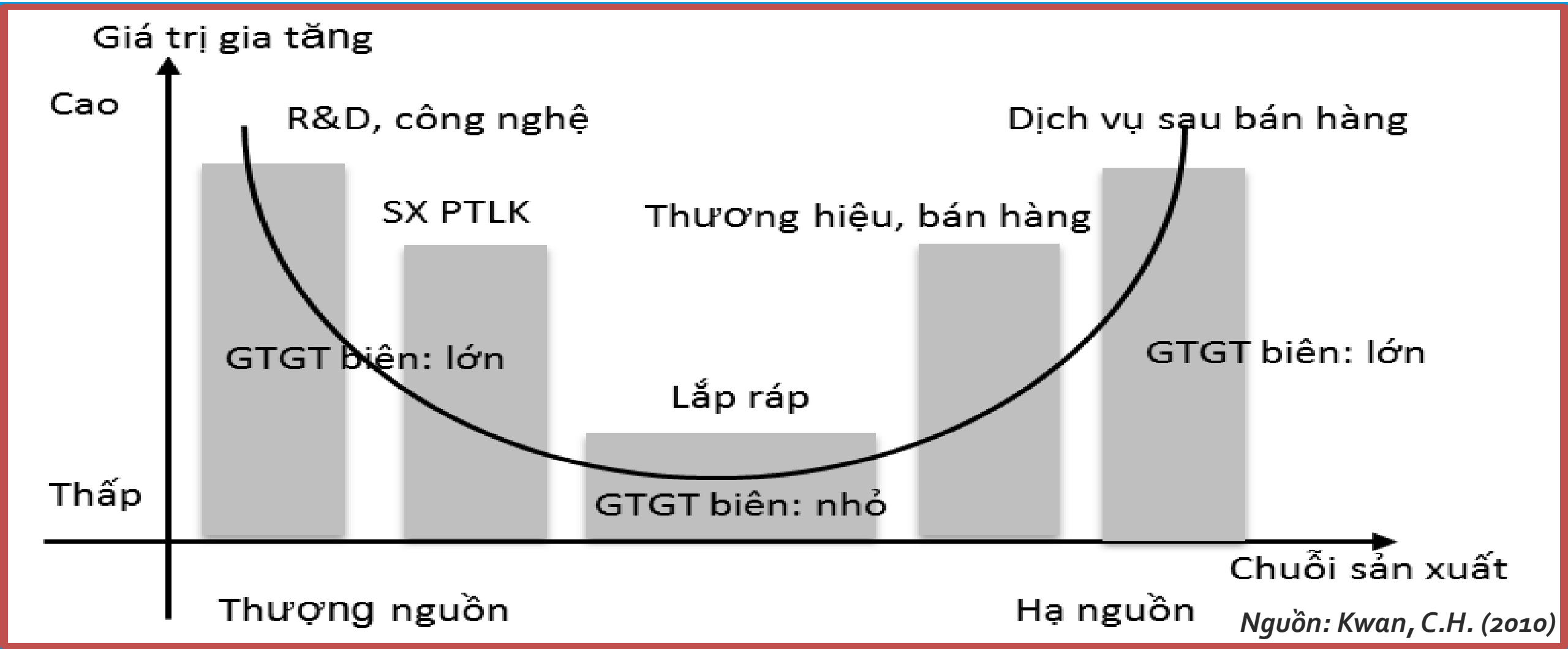

Nguồn: Kwan, C.H. (2010)

VIỆT NAM ĐANG Ở ĐÂU TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA

TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI CÒN NHIỀU VẤN ĐỀ CẦN TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT

- **Đối với xuất khẩu**: (1) Tốc độ chuyển dịch nhóm hàng xuất khẩu có GTGT cao chậm; (2) Chưa có nhiều mặt hàng mới; (3) Hàng hóa chưa tham gia sâu vào hệ thống phân phối của các thị trường xuất khẩu; (4) chưa tận dụng tốt cơ hội FTA mang lại.
- **Đối với nhập khẩu**: Hoạt động kiềm chế nhập siêu, quản lý chất lượng hàng nhập khẩu thông qua hàng rào kỹ thuật diễn ra chậm. Chưa tận dụng và khai thác có hiệu quả việc sử dụng các rào cản kỹ thuật được phép sử dụng trong các FTA như TBT, SPS, nguồn gốc xuất xứ để quản lý và hạn chế nhập khẩu các nhóm hàng hóa không khuyến khích như phế liệu, phế thải, các hàng hóa có nguy cơ ô nhiễm cao, sử dụng nhiều năng lượng và tài nguyên…
- **Đối với thị trường trong nước: (1) C**hưa ban hành được chiến lược tổng thể phát triển thị trường trong nước. (2) Quản lý thị trường chưa thực sự hiệu quả. (3) Nguy cơ các DN phân phối nước ngoài lấn át các DN nội địa. (4) Quản lý hoạt động Thương mại điện tử còn gặp nhiều khó khăn. (5) Hoạt động mua bán online diễn ra tràn lan và chưa được quản lý hiệu quả, chưa kiểm soát được tư cách pháp nhân của các cá nhân/doanh nghiệp tham gia kinh doanh, chất lượng các sản phẩm được giao dịch trên mạng…

KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2018 – 2020, XÉT ĐẾN NĂM 2025

1. Nghị quyết số 23/NQ-TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
2. Quyết định số 598/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng chính phủ ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành Công nghiệp Việt Nam giai đoạn 2018-2020, xét đến năm 2025;
3. Quyết định số 2903/QĐ-BCT ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành Công nghiệp Việt Nam giai đoạn 2018-2020, xét đến năm 2025.

QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG

- Tiếp tục cụ **thể hóa các nhiệm vụ tại Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương; có điều chỉnh,** cập nhật, bổ sung phù hợp với tình hình phát triển của ngành Công Thương và tình hình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.
- Ưu tiên vào xử lý **các điểm nghẽn về chính sách, thể chế** và tiếp cận tích cực hơn các nguồn lực cho phát triển công nghiệp của các thành phần kinh tế; đảm bảo thực thi đầy đủ nguyên tắc cơ chế thị trường trong huy động nguồn lực phát triển các ngành công nghiệp.
- Khai thác có hiệu quả **hội nhập quốc tế về kinh tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4** để đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất công nghiệp, nâng cao tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào giá trị gia tăng của sản phẩm công nghiệp và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị công nghiệp toàn cầu.

MỤC TIÊU VÀ LỘ TRÌNH

- Tỷ trọng đóng góp của CN trog GDP tăng;Tăng năng suất lao động, tỷ trọng của ngành CN công nghệ cao, vai trò DN tư nhân trong CNCBCT tăng lên. Thu hẹp được khoảng cách các chỉ số về năng lực cạnh tranh công nghiệp so với các nước ASEAN-4.
- **Đến 2025,** Việt Nam có **một số ngành công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế** và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu;
- Hình thành một số **doanh nghiệp công nghiệp trong nước có quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh quốc tế;**
- **Hình thành một số cụm liên kết ngành CN trong các ngành ưu tiên**

CÁC NHIỆM VỤ
8 NHÓM NHIỆM VỤ LỚN VÀ 46 HÀNH ĐỘNG ƯU TIÊN

1. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách và thể chế cơ cấu lại ngành công nghiệp;
2. Thúc đẩy, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành công nghiệp;
3. Phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên nhằm tạo tác động lan tỏa cho toàn ngành công nghiệp;
4. Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp công nghiệp tư nhân
5. Đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các DNNN theo đúng lộ trình đã được phê duyệt; thực hiện tái cơ cấu các DNNN trong các ngành công nghiệp nhằm phát huy hiệu quả của các nguồn lực;
6. Điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp phù hợp với định hướng cơ cấu lại các ngành công nghiệp
7. Xây dựng năng lực hỗ trợ cơ cấu lại các ngành công nghiệp; Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các bên liên quan
8. Thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ và nguồn nhân lực nhằm cung cấp các giải pháp hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành công nghiệp.

PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP ƯU TIÊN

1. Phát triển **ngành thép nội địa,** ưu tiên đầu tư phát triển các nhà máy sản xuất các loại thép mà trong nước chưa sản xuất được có công nghệ thân thiện môi trường như thép tấm cán nóng và các loại thép hợp kim phục vụ ngành cơ khí chế tạo. Xây dựng lộ trình để loại bỏ dần các nhà máy gang, luyện thép và cán thép quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, sử dụng không hiệu quả tài nguyên và năng lượng thay thế bằng các nhà máy có công nghệ tiên tiến, đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.
2. Ưu tiên đầu tư phát triển **ngành công nghiệp chế biến sâu đối với các sản phẩm nông lâm, thủy sản**, đặc biệt là các sản phẩm Việt Nam có lợi thế cạnh tranh nhằm nâng cao giá trị gia tăng của ngành, qua đó tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, tăng giá trị xuất khẩu; khuyến khích phát triển chế biến bằng công nghệ cao. Xây dựng Đề án về ưu tiên đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp thực phẩm chế biến sâu đối với các sản phẩm nông sản, thủy; Xây dựng Đề án về phát triển thương hiệu ngành công nghiệp thực phẩm Việt Nam sản;

PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP ƯU TIÊN

3. Đẩy mạnh **phát triển sản phẩm cơ khí**, ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực như: ô tô, các sản phẩm máy nông nghiệp, thiết bị công trình, thiết bị công nghiệp, thiết bị điện, thiết bị y tế, linh kiện phụ tùng ô tô, đóng tàu biển.

4. Tập trung phát triển **công nghiệp hỗ trợ trong ngành điện tử, cơ khí, dệt may, da giày**; rà soát bổ sung chính sách để tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình cơ khí trọng điểm. Lựa chọn mô hình thí điểm hỗ trợ một số doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong lĩnh vực dệt may, da giày, linh kiện điện tử, ô tô… và triển khai nhân rộng thành công các mô hình.

NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CHO CÁC DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP TƯ NHÂN

1. Phát triển khu vực doanh nghiệp công nghiệp tư nhân có thương hiệu trong khu vực và toàn cầu. Xây dựng Đề án về đổi mới cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghiệp tư nhân lớn đầu tư dài hạn, tạo dựng sản phẩm và thương hiệu mạnh, có sức cạnh tranh trong nước và quốc tế

2. Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia và các dự án của các doanh nghiệp FDI đầu tư tại Việt Nam.

3. Khuyến khích các doanh nghiệp lớn đầu tư phát triển ngành công nghiệp ô tô trên cơ sở bình đẳng, không phân biệt doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhằm phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đáp ứng nhu cầu của thị trường và đóng góp cho phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Chú trọng đầu tư vào công tác nghiên cứu phát triển và các ngành công nghiệp hỗ trợ, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu của ngành.

4. Xây dựng Đề án về tăng cường hệ thống hàng rào kỹ thuật và biện pháp phòng vệ thương mại nhằm đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho doanh nghiệp trong nước

XÂY DỰNG CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP ƯU TIÊN

1. Xây dựng Đề án "**Chiến lược công nghiệp hóa mới đến năm 2030, tầm nhìn 2035**
2. Xây dựng cơ chế **chính sách hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên** giai đoạn 2020-2030
3. Xây dựng **gói tín dụng ưu đãi** trong giai đoạn 2020-2025 cho các ngành công nghiệp ưu tiên phát triển;
4. **Điều chỉnh chính sách thuế** (tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng…) nhằm hỗ trợ sản xuất trong nước đối với các ngành công nghiệp ưu tiên;
5. Xây dựng Đề án về **đổi mới chính sách thu hút FDI và kết nối kinh doanh** nhằm nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong các doanh nghiệp FDI giai đoạn 2020-2025;
6. Xây dựng **chính sách phát triển sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm giai đoạn 2018-2025**.
7. Nghiên cứu **sửa đổi Nghị định 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ**.

XÂY DỰNG CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP ƯU TIÊN

8. Xây dựng Đề án về **tăng cường hệ thống hàng rào kỹ thuật và biện pháp phòng vệ thương mại** nhằm đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho doanh nghiệp trong nước.

9. Xây dựng Đề án về **đổi mới cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghiệp tư nhân** lớn đầu tư dài hạn, tạo dựng sản phẩm và thương hiệu mạnh, có sức cạnh tranh trong nước và quốc tế.

10. Nghiên cứu **xây dựng khung pháp lý cho phát triển lưới điện thông minh,** tích hợp năng lượng tái tạo và các chương trình điều chỉnh phụ tải.

11. Xây dựng **hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật trong ngành công nghiệp** phù hợp để bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng trong nước.

12. Xây dựng **chính sách khuyến khích phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường**, rà soát sửa đổi các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường các ngành công nghiệp

NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TRONG CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP

- Tập trung tăng cường **áp dụng hệ thống tổ chức sản xuất tiên tiến** và **ứng dụng công nghệ cao, công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4** trong sản xuất công nghiệp, gắn sản xuất công nghiệp với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; sử dụng tài nguyên và năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất công nghiệp.

- Xây dựng và **nâng cấp chuỗi giá trị** các sản phẩm của các ngành công nghiệp như dệt may, da giày, hóa chất, thực phẩm, điện tử… phát triển **thí điểm cụm liên kết ngành công nghiệp** trong một số ngành công nghiệp ưu tiêu; đẩy mạnh các hoạt động đưa hàng Việt Nam vào hệ thống phân phối của các thương hiệu nước ngoài; Xây dựng Đề án về đổi mới chính sách thu hút FDI và kết nối kinh doanh nhằm nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong các doanh nghiệp FDI giai đoạn 2020-2025

TÁI CƠ CẤU TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI

Về xuất nhập khẩu

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến 2030; Đề án thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tham gia trực tiếp mạng phân phối nước ngoài đến 2020.
- Kịp thời thông báo, tuyên truyền nâng cao nhận thức của các nhà sản xuất, xuất khẩu trên địa bàn về các loại rào cản của các nước nhập khẩu nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, cải thiện chất lượng hàng hoá tránh rủi ro cho doanh nghiệp khi thực hiện các hợp đồng xuất khẩu.
- Hướng dẫn doanh nghiệp tận dụng tốt các cơ hội mở cửa thị trường của nước ngoài và lộ trình cắt giảm thuế quan để đẩy mạnh xuất khẩu và nâng cao hiệu quả xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang các thị trường đã ký các thoả thuận thương mại tự do (FTA/EPA/CEP);
- Nghiên cứu xây dựng các rào cản kỹ thuật được phép sử dụng để quản lý và hạn chế nhập khẩu các nhóm hàng hóa không khuyến khích.

XIN CẢM ƠN!